BẢNG GIÁ MÁY BIẾN ÁP HYOSUNG

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá
Máy biến áp HYOSUNG 22/0.4kV"cuộn dây nhôm AL-AL			
1	22/0.4kV, 400kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 5%	Cái	521,136,000
2	22/0.4kV, 630kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	614,196,000
3	22/0.4kV, 750kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	660,726,000
4	22/0.4kV, 1000kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	804,969,000
5	22/0.4kV, 1250kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	958,518,000
6	22/0.4kV, 1600kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,084,149,000
7	22/0.4kV, 2000kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,316,799,000
8	22/0.4kV, 2500kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 7%	Cái	1,423,818,000
9	22/0.4kV, 3150kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 7%	Cái	1,721,610,000
Máy biến áp HYOSUNG 22/0.4kV"cuộn dây đồng CU-CU			
1	22/0.4kV, 400kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 5%	Cái	716,562,000
2	22/0.4kV, 630kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	842,193,000
3	22/0.4kV, 750kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,009,701,000
4	22/0.4kV, 1000kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,293,534,000
5	22/0.4kV, 1250kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,470,348,000
6	22/0.4kV, 1600kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,754,181,000
7	22/0.4kV, 2000kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	1,968,219,000
8	22/0.4kV, 2250kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 6%	Cái	2,196,216,000
9	22/0.4kV, 2500kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 7%	Cái	2,745,270,000
10	22/0.4kV, 3150kVA, 3P, 50Hz, Dyn11, AN, %Z = 7%	Cái	3,280,365,000

THÔNG TIN LIÊN HỆ

THIẾT BỊ ĐIỆN ĐẶNG GIA PHÁT

Hotline: **(+84-8) 3731 3963**

Website: **https://www.thietbidiendgp.vn**